

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về đề cương kỹ thuật, dự toán và gói thầu:
 - Tên nhiệm vụ: Xây dựng khung giá rừng và định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
 - Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Xây dựng khung giá rừng và định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
 - Giá gói thầu: 1.936.583.889 đồng (đã bao gồm thuế VAT)
 - Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
 - Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I và quý II năm 2026.
 - Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ
 - Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, năng lực và kinh nghiệm thực hiện cung cấp dịch vụ Tư vấn Xây dựng khung giá rừng và định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết mục đích, phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có):

- Mục đích: Nhằm xác định giá trị các loại rừng phù hợp với điều kiện thực tiễn trên cơ sở khung pháp lý hiện hành của Nhà nước để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Đối tượng: Đối tượng để định giá bao gồm: Rừng tự nhiên (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất); Rừng trồng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) thuộc sở hữu toàn dân (Nhà nước là đại diện chủ sở hữu theo khoản 1, Điều 7, Luật Lâm nghiệp) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

- Phạm vi công việc đối với nhà thầu: Xây dựng khung giá rừng và định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:

- + Đối với rừng tự nhiên: Tiến hành tính toán xác định khung giá rừng đối với toàn bộ các loại rừng tự nhiên hiện có trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo tiêu chí phân loại rừng được quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

- + Đối với rừng trồng: Tiến hành tính toán xác định khung giá rừng đối với các loài cây trồng rừng chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp, bao gồm: Bạch đàn, Keo, Mỡ, Sa mộc, Thông, Quế, Hò, Dẻ, Tông dù, Xoan ta, Sờ, Trúc, Lát hoa, Trám, Giỏi, Mắc ca...

- Đơn vị thực hiện (Đơn vị sử dụng ngân sách): Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Cao Bằng;

- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương.
- Tiến độ thực hiện: 150 ngày.

2. Nội dung công việc thực hiện:

2.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung

Nhằm xác định giá trị các loại rừng phù hợp với điều kiện thực tiễn trên cơ sở khung pháp lý hiện hành của Nhà nước để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b. Mục tiêu cụ thể

- Xác định giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
- Xác định giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng.
- Xác định khung giá rừng phân theo từng trạng thái rừng.
- Xác định khung giá rừng trồng cho 16 loài cây trồng lâm nghiệp chính

2.2. Nội dung thực hiện

a. Định giá rừng tự nhiên (Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8, Điều 9 Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- * Xác định giá lâm sản cho từng loại trạng thái rừng và loại rừng tự nhiên.
- Xác định tổng trữ lượng gỗ, trữ lượng bình quân theo nhóm gỗ.
- Xác định giá bán gỗ tròn tại các bãi giao.
- Xác định các chi phí liên quan đến khai thác, vận xuất, vận chuyển gỗ từ rừng đến bãi giao, thuế tài nguyên và các chi phí khác.

* Định giá quyền sử dụng rừng tự nhiên.

- Xác định doanh thu bình quân từ khu rừng cần định giá trong 03 năm liền kề trước năm định giá, bao gồm: Doanh thu từ khai thác lâm sản theo quy định; doanh thu từ dịch vụ môi trường rừng; doanh thu từ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; các nguồn thu hợp pháp khác.

- Xác định tổng chi phí bình quân trong 03 năm liền kề trước năm định giá, bao gồm: Chi phí khai thác chính, khai thác tận thu, khai thác tận dụng và các chi phí khác liên quan tới khai thác lâm sản; chi phí bảo vệ rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; nuôi dưỡng rừng tự nhiên; làm giàu rừng tự nhiên; chi phí duy tu, bảo dưỡng công trình phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; thuế, phí và các chi phí hợp lý khác.

- Xác định thời gian quản lý và sử dụng rừng: số năm còn lại được quản lý và sử dụng rừng xác định trên cơ sở hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng.

- Xác định tỷ lệ lãi suất theo tỷ lệ lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng thương mại trên địa bàn.

b. Định giá rừng trồng (Thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT) với nhiệm vụ chính là định giá rừng trồng theo loài cây và cấp tuổi:

- Xác định tổng chi phí đầu tư: Chi phí trực tiếp, bao gồm: chi phí tạo rừng, trong đó có chi phí cây giống, vật liệu, nhân công, thiết bị, máy móc, công cụ lao động, chi phí bảo vệ rừng (nhân công bảo vệ, trang thiết bị, đầu tư các công trình phục vụ trực tiếp cho phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, trừ sinh vật gây hại rừng). Chi

phí gián tiếp, bao gồm: chi phí quản lý, khảo sát, thiết kế, lập dự toán, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, kiểm kê, thuế, phí; chi phí phân bổ khác về bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Các chi phí khác.

- Xác định thu nhập dự kiến.

c. Xác định giá trị môi trường rừng

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

d. Xây dựng khung giá rừng

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, với nhiệm vụ chính là xây dựng khung giá cho rừng tự nhiên phân theo trạng thái và rừng trồng phân theo loài cây, cấp tuổi (giá tối thiểu và giá tối đa).

2.3. Khối lượng công việc thực hiện:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ (200.000 ha - 400.000 ha)	Nhiệm vụ	1	
2	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1	
3	Thống nhất biện pháp kỹ thuật thực hiện	Nhiệm vụ	1	
4	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1	
5	Chuẩn bị dụng cụ kỹ thuật và đòi sống vật chất	Nhiệm vụ	1	
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA			
1	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp tỉnh	Tỉnh	1	
2	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp xã, chủ rừng	Xã/chủ rừng	56	
-	Xã có diện tích từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã/chủ rừng	1	
-	Xã có diện tích từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã/chủ rừng	12	
-	Xã có diện tích từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã/chủ rừng	43	
3	Di chuyển trong quá trình điều tra (dự kiến mỗi OTC cách nhau khoảng 62,5 km)	Km	62,5	
4	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ tự nhiên (1.000m ²)	OTC	70	
5	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng (500m ²)	OTC	30	

6	Điều tra, khảo sát, đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở khai thác, kinh doanh và chế biến lâm sản để thu thập các thông tin về giá lâm sản, lâm sản ngoài gỗ, các chi phí liên quan đến giá gỗ, LS ngoài gỗ.	Cơ sở, mô hình	30	
7	Điều tra, khảo sát, đánh giá hoạt động của các BQL rừng đặc dụng; phòng hộ; các Công ty Lâm nghiệp để thu thập các thông tin về chi phí đầu tư và thu nhập bình quân cho 1ha rừng tự nhiên, rừng trồng.	Cơ sở, mô hình	9	
8	Khảo sát, đánh giá hoạt động của các cơ sở có kinh doanh về cảnh quan, du lịch.	Cơ sở	2	
9	Thu thập thông tin về lãi suất của các ngân hàng thương mại	Nhiệm vụ	1	
10	Điều tra, xác định thu nhập từ dịch vụ môi trường	Lưu vực	26	
11	Phỏng vấn hộ gia đình xác định thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ	Hộ	30	
12	Chuyên quân và rút quân thực địa	Người	10	
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP			
1	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	Biểu	100	
2	Nhập số liệu phỏng vấn	Biểu	30	
3	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	OTC	70	
4	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	OTC	30	
5	Tính toán số liệu giá rừng tự nhiên	Biểu	357	
6	Tính toán số liệu giá rừng trồng	Biểu	210	
7	Tính toán số liệu khung giá rừng tự nhiên	Biểu	135	
8	Tính toán số liệu khung giá rừng trồng	Biểu	62	
9	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo	Tinh	1	
10	Viết báo cáo thuyết minh kết quả	Tinh	1	
11	Tổ chức hội nghị báo cáo kết quả tại địa phương	Hội nghị	1	
12	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị	Báo cáo	1	
13	In ấn, giao nộp tài liệu thành quả	Nhiệm vụ	1	

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Tháng 4/2026 (Sau khi nhà thầu có kết quả trúng thầu, thực hiện ký kết hợp đồng với chủ đầu tư).

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Thời gian thực hiện: 150 ngày
2. Xây dựng báo cáo:
 - 2.1. Xây dựng báo cáo thuyết minh kết quả Nhiệm vụ
Tổng hợp, phân tích số liệu, viết các báo cáo thuyết minh kết quả nhiệm vụ xây dựng khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
 - 2.2. Tổ chức hội nghị
 - Tổ chức hội nghị: Thảo luận và góp ý cho việc xây dựng khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh.
 - Thành phần hội nghị kỹ thuật: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài Chính, Sở Tư pháp, Chi cục Kiểm lâm, UBND cấp xã, các đơn vị chủ rừng.
 - Tiếp thu ý kiến từ hội nghị và điều chỉnh khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.
 - 2.3. Trình duyệt và phê duyệt
 - Báo cáo thuyết minh và dự thảo Quyết định quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
 - Trình UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định phê duyệt khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
3. Thành quả giao nộp:
 - Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ xây dựng khung giá rừng và định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 03 bộ.
 - USB: Bao gồm toàn bộ tài liệu thực hiện nhiệm vụ (báo cáo thuyết minh và bảng tính toán khung giá rừng): 03 cái.
 - Quyết định ban hành khung giá rừng và định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 03 bộ.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu:
 - Yêu cầu cung cấp tài liệu để chứng minh: Bản chụp quyết định phê duyệt và bản sao công chứng hợp đồng tư vấn và Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư đã hoàn thành công việc hoặc các tài liệu hợp pháp khác để chứng minh.
 - Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu này (tương ứng với hạng mục công việc được đảm nhận trong thỏa thuận liên danh). Trường hợp tài liệu chứng minh chưa đủ rõ để xác định khả năng đáp ứng thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc liên hệ với chủ đầu tư để xác minh.
2. Nhân lực của bên nhà thầu phải đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.
 - Chứng chỉ hành nghề của nhân sự chủ chốt phải còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.
 - Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự là: xác nhận của chủ đầu tư về nhân sự tham gia thực hiện gói thầu hoặc các biên bản nghiệm thu, tài liệu hợp pháp khác có sự tham gia của chủ đầu tư.
 - Tổng số năm kinh nghiệm tính từ năm được cấp bằng chuyên môn, nghiệp vụ (đại học, cao đẳng) của nhân sự.
3. Chức danh, trình độ và thời gian của nhân lực dự kiến tham gia thực hiện công việc được quy định cụ thể trong hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân lực, bên

nhận thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho bên giao thầu và được bên giao thầu chấp thuận, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

- Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

- Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

- Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

- Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục khác (nếu có).

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.